

TỪ
BỤC GIẢNG
ĐẾN
VĂN ĐẪN



BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP. HỒ CHÍ MINH THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Trần Hữu Tá, 1937-

Từ bục giảng đến văn đàn / Trần Hữu Tá. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015
324tr. ; 20cm.

1. Giáo sư -- Việt Nam. 2. Thầy giáo -- Việt Nam. I. Ts.
1. College teachers -- Vietnam. 2. Teachers -- Vietnam.

378.12009597 -- ddc 23
T772-T11

TRẦN HỮU TÀ

TỪ
BỤC GIẢNG
ĐẾN
VĂN ĐẠN

Chân dung 25 người thầy

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



LỜI NGƯỜI SOẠN SÁCH

Từ khi còn ngồi trong giảng đường trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1956-1959) cho đến những năm đứng trên bục giảng sau đó, tôi ngày càng nghiệm ra sâu sắc một điều: Để làm tốt việc giảng dạy, người thầy dù ở cấp học nào cũng không thể thỏa mãn với vốn kiến thức được trang bị trong trường, mà phải hết sức cần mẫn học hỏi, tự đào tạo để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Được học với nhiều giáo sư thuộc “thế hệ vàng” của trí thức nước ta nửa đầu thế kỷ XX và được là đồng nghiệp của nhiều giáo sư có uy tín trong hơn năm thập kỷ gần đây, tôi thực lòng kính phục công phu tự học của các vị ấy, và mới hiểu tại sao bên cạnh việc các thế hệ sinh viên vốn quý trọng các thầy về đức, lại mến phục các thầy về tài. Các vị vừa thành công trên bục giảng, vừa gặt hái được những vụ mùa bội thu trên văn đàn – trong lĩnh vực nghiên cứu và sáng tác.

Viết tập sách này, tôi trân trọng dựng chân dung hai mươi lăm vị, người nào cũng có hàng ngàn, thậm chí nhiều ngàn môn đệ thuộc nhiều thế hệ nối tiếp nhau. Có vị đã khuất núi từ lâu, tôi không có hạnh phúc được thụ giáo trực tiếp, mà chỉ học các vị qua các công trình để lại (Trương Vĩnh Ký, Dương Quảng Hàm). Hầu hết các vị khác đã lần lượt qua đời trong mấy chục năm gần đây. Số vị vẫn tiếp tục hiện diện với văn đàn hôm nay thì đếm chưa hết các ngón của một bàn tay. Cao tuổi hơn cả - Học giả Nguyễn

Đình Đầu, chỉ bốn năm nữa thôi tuổi đã tròn một trăm. GS. – NGND Nguyễn Đăng Mạnh đã 86 tuổi. Trẻ hơn một chút, GS. – Nhà giáo ưu tú Nguyễn Khắc Phi cũng đã 82 rồi. GS. Phong Lê – người ít tuổi nhất có mặt trong tập sách này – cũng đã ngót 80.

Trong các trang viết của mình, tôi cố gắng ghi lại một cách chân xác nhân thân, sự nghiệp của các vị trên cả bục giảng lẫn ở văn đàn. Với nhiều người, do vinh dự được là học trò, với nhiều người khác do may mắn được là đồng nghiệp trong nhiều năm, tôi có ý thức chọn lọc kể lại một số kỷ niệm riêng, chủ yếu để quý bạn đọc hiểu được nhân phẩm, tính cách cao đẹp và cũng rất đời thường của các vị. Tất nhiên có một nội dung quan trọng không kém mà tôi phải cố gắng đạt được, đó là giới thiệu một cách khái quát những cống hiến xuất sắc của mỗi người trong lĩnh vực sáng tác hoặc nghiên cứu, hoặc cả hai như đã xin thưa ở trên.

Các bài viết được sắp xếp theo trật tự ngày tháng năm sinh của hai mươi lăm vị để bạn đọc dễ theo dõi. Trước mỗi bài viết, xin có một bản tóm tắt tiểu sử của từng vị, ghi lại những điều cơ bản như: ngày sinh, ngày mất (với những ai đã qua đời), tên thật, bút danh, quê quán, những trường đã giảng dạy và những tác phẩm chính đã công bố.

Trong phạm vi hiểu biết của mình, xin nói rất chân thành, nhiều vị khác rất xứng đáng được tôn vinh. Rất tiếc, lực bất tòng tâm, muốn mà chưa viết được nhiều hơn. Chỉ mong các đồng nghiệp trong giáo giới và trong văn giới để tâm, chung tay khắc họa những chân dung tinh thần của những người trí thức ưu tú đó. Thiết nghĩ, đấy cũng là việc có ý nghĩa để góp phần tạo nền, chấn hưng giáo dục nước nhà.

TRẦN HỮU TÁ

TRƯƠNG VĨNH KÝ



Ngày sinh: 06.12.1837

Ngày mất: 01.09.1898

Tên khai sinh: Trương Chánh Ký

Tên thánh: Jean Baptiste Pétrus

Quê quán: thôn Cái Mơn, xã Vĩnh Thành, huyện Tân Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre).

Giảng dạy:

- Trường Thông ngôn Sài Gòn
- Trường Sư phạm Sài Gòn

Tác phẩm chính:

1. Nghiên cứu về lịch sử: Sử ký An Nam, Sử ký Trung Quốc
2. Nghiên cứu về địa lý: Tập giáo trình về địa lý Nam kỳ
3. Nghiên cứu về các bộ môn khoa học xã hội:
 - Nghiên cứu, so sánh tiếng nói, chữ viết, tín ngưỡng và tôn giáo của các dân tộc Đông Dương
 - Tổng luận về các lối chữ tượng ý, tượng hình theo ngữ âm và theo vần a,b,c

- Nghiên cứu, so sánh tiếng nói và chữ viết của ba ngành ngôn ngữ.

4. Biên soạn từ điển:

- *Từ điển Pháp – Việt*
- *Từ điển Pháp – Hán – Việt*
- *Từ điển địa lý An Nam*
- *Từ điển danh nhân An Nam*

5. Sáng tác:

- *Ghi về vương quốc Khơ Me* (ký, 1893)
- *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* (ký, 1876)
- *Trương Lưu hầu phú* (phú, 1882)
- *Thơ tuyệt mệnh* (1898)

6. Sưu tầm sáng tác dân gian

- *Chuyện đời xưa nhón lấy những chuyện hay và có ích* (1886)
- *Chuyện khôi hài* (1882)
- *Ước lược truyện tích nước Nam* (1887)

7. Dịch thuật sách chữ Hán: *Tứ thư*, *Sơ học vấn tân*, *Tam tự kinh*, *Tam thiên tự*, *Minh tâm bửu giám*...

8. Phiên âm sách chữ Nôm: *Đại Nam quốc sử diễn ca* (1875), *Truyện Kiều* (1878), *Gia Định thất thủ vịnh* (1882), *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (1887), *Gia huấn ca* (1888), *Trung nghĩa ca* (1888)...

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Người thầy, nhà văn hóa lớn

Trong hơn một trăm năm nay, kể từ ngày Trương Vĩnh Ký qua đời (01.09.1898), hành trạng và sự nghiệp của ông đã được hàng trăm học giả quan tâm nghiên cứu, trong đó có không ít những tên tuổi rất quen thuộc như Nguyễn Văn Tố, Đặng Thúc Liêng, Trần Văn Giáp, Đào Văn Hội, Lê Thanh, Vũ Ngọc Phan, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Trán, Nguyễn Văn Trung, Bằng Giang, Nguyễn Đình Đầu... Một số học giả phương Tây như Jean Bouchot, Paul Boudet, Rémy Bourgeois, Henri Cordier... cũng đã có những trang viết rất trân trọng về người đã khuất.

Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên, vì Trương Vĩnh Ký là nhà văn hóa lớn, có sự nghiệp “trước tác đấng thân”, là người đi tiên phong trong việc chuẩn bị cho công cuộc hiện đại hóa nền văn hóa dân tộc. Và chúng ta không quên, năm 1874 ông được tôn vinh là một trong mười tám “toàn cầu bác học danh gia”, ngang với những tên tuổi lẫy lừng ở phương Tây như Honoré Bonhomme, Oscar de Lafayette, Charles Desmaz, Pascal Duprat...

Lúc còn ấu thơ, Trương Vĩnh Ký đã chịu nỗi đau mất bố. Năm 1846, một bước ngoặt xảy ra trong cuộc đời cậu bé lên

chín. Một linh mục người Việt (Cố Tám) trước đây vốn chịu ơn cứu tử của ông Trương Chánh Thi – thân phụ Trương Vĩnh Ký – tình cờ tạt qua Cái Mơn (Bến Tre) quê hương nhà học giả tương lai, nơi mẹ con cậu bé họ Trương đang cư ngụ. Xúc động trước cảnh đơn côi của vợ con ân nhân của mình, Cố Tám ngỏ ý xin nhận nuôi Trương Vĩnh Ký ăn học để đền ơn trong muôn một.

Theo Cố Tám sống trong giáo đường, cậu bé Trương Vĩnh Ký sớm tối đọc kinh và được học chữ Latin, chữ quốc ngữ.

Cố Tám mất sớm. Và ngẫu nhiên Trương Vĩnh Ký có được một cuộc hạnh ngộ mới. Linh mục Bouillevaux người Pháp (giáo dân Việt Nam thường gọi là Cố Long) được phái về địa phận Cái Nhum, đã tận tình dìu dắt cậu trên con đường học vấn. Nói là hạnh ngộ, vì Cố Long là một bác học, một nhà địa lý học nổi tiếng đã có công phát hiện Đế Thiên Đế Thích, đã viết nhiều sách về Việt Nam, về Đông Nam Á.

Mười ba năm miệt mài học tập – hai năm ở giáo đường Cái Nhum, ba năm ở chủng viện Pinhalu (Phnom Penh) và tám năm ở trường dòng Penang (Malaysia) nổi tiếng – Trương Vĩnh Ký dành trọn thì giờ cho học tập.

Năm 1859, lúc 22 tuổi, Trương Vĩnh Ký về nước.

Tình hình nước ta lúc này cực kỳ rối ren, phức tạp. Nạn ngoại xâm không còn là một hiểm họa mà đã trở thành hiện thực khắc nghiệt. Trong khi đó triều đình Tự Đức vẫn chìm đắm trong sự hủ bại, u mê, khước từ mọi đề nghị canh tân tha thiết của Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Bùi Viện, Phạm Phú Thứ..., tự trói mình trong chính sách bế quan tỏa cảng, và nguy hiểm hơn tự chặt tay chặt chân mình bằng biện pháp đàn áp tôn giáo cực kỳ sắt máu.

Tháng 05.1859, triều đình chỉ thị cho quan lại các cấp ở Gia Định “quản thúc chặt chẽ người theo đạo, không cho tự do đi lại. Đối với dân đã bỏ đạo ra thú, thì cho phép xã sở tại được nhận về để quản thúc”.

Tháng 10.1859, Tự Đức lại có chỉ thị ngặt nghèo hơn “bắt giam những giáo dân có hành động khích động dân chúng; tịch thu tài sản của những giáo dân phạm tội; ghép giáo dân vào các xã thôn không có người theo đạo để tiện quản lý...” (Dẫn theo *Trương Vĩnh Ký - Con người và sự thật*, tr. 14-15, NXB Thành phố Hồ Chí Minh và Ban KHXH thành ủy, 1993).

Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn ấy, Trương Vĩnh Ký về quê, dạy học ngay tại trường làng, nơi mình đã từng học hồi còn để chỏm. Ngôi chùa ấm chỗ, người trí thức trẻ ấy phải trốn về Sài Gòn để tránh nguy cơ bị quan quân vây bắt. Chính tình huống này đã dẫn đến bước ngoặt quyết định trong cuộc đời của con người giàu khát vọng sáng tạo tinh thần này.

Trương Vĩnh Ký phải nung nấu tại nhà giám mục Lefèbvre. Đầu năm 1860, đại úy hải quân Zauréguiberry đang trấn giữ Sài Gòn, nhờ giám mục Lefèbvre tìm giúp một thông ngôn. Ông này giới thiệu Trương Vĩnh Ký và Trương đã nhận lời. Về sự kiện này, một nhà nghiên cứu đã phân tích: “*Trương Vĩnh Ký là một trí thức lớn, loại mà nước ta chưa từng có. Ông đưa tay, lại là người thứ nhứt nắm lấy tay Tây thì tâm can không thể không nhúc nhối bởi những giá trị tinh thần yêu nước, đang nêu cao trên đất Nam Kỳ lúc bấy giờ.*” (Sđd, tr. 18).

Quyết định này của Trương Vĩnh Ký đã và đang được các nhà sử học tiếp tục bàn luận, nhận xét (cảm thông hoặc phê phán). Nhưng có mấy điều cần nêu ra ở đây.

Một là, Trương Vĩnh Ký chưa bao giờ tham gia vào ngạch quan lại hành chính do Pháp bổ nhiệm. Ông làm thông dịch, đặc biệt là dịch trong những đợt nghị hòa hết sức quan trọng. Nhiều năm ông dạy học ở các trường sư phạm, hậu bổ và làm chủ bút tờ *Gia Định báo* cũng như tờ *Thông loại khóa trình* – một tờ học báo đầu tiên ở Việt Nam.

Hai là, nên có cái nhìn thỏa đáng về việc Paul Bert – toàn quyền Đông Dương – đặc biệt tín nhiệm Trương Vĩnh Ký, cử ông phụ giúp vua Đồng Khánh, tham dự vào Viện Cơ mật – cơ quan trọng yếu nhất của triều đình Huế. Không phải vì ông quá tận tụy, mẫn cán mà được Paul Bert tin dùng. Trước đó 23 năm – nghĩa là ngay từ năm 1863 – nhân trong chuyến công cán sang Pháp với phái bộ của triều đình Huế do Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ cầm đầu, Trương Vĩnh Ký đã có dịp gặp gỡ, kết giao với không ít những trí thức tiêu biểu của Pháp, như Ernest Renan – tiến sĩ văn chương, viện sĩ Hàn lâm; như Littré – nhà từ điển học lừng danh; như Victor Hugo – nhà văn vĩ đại không chỉ của Pháp mà của cả thế giới... Trương Vĩnh Ký đã quen thân với Paul Bert – giáo sư đại học Bordeaux và sau này là Viện sĩ hàn lâm Pháp.

Từ tháng 01.1886, Paul Bert được cử làm Toàn quyền Đông Dương và viên quan cai trị này đã đối đãi với người bạn cố tri với một tình cảm đặc biệt. Đặc biệt đến mức cấp dưới ganh ghét và vì thế khi Paul Bert chết vì bệnh kiệt lực, lập tức Trương Vĩnh Ký gặp khó khăn trong chức việc của mình.

Ba là, tuy kề cận bên vua Đồng Khánh nhưng Trương Vĩnh Ký đã tập trung vào việc khai sáng tư tưởng, trí tuệ cho ông vua này với tư cách Hàn lâm viện thị giảng học sĩ. Xin dẫn ra đây

hai đoạn văn. Một, trích trong “*Thư của vua Đồng Khánh gửi Trương Vĩnh Ký*” lúc chia tay (tháng 08.1886):

“Ông vì nước quên nhà, vì công quên tư, giảng điều tin mục, đem lòng thành cảm động đặng người. Hàng ngày châu chực chốn ngự diên, giảng bàn tự thoại, điển cố các nước. Trẫm toan những vui đó, chẳng biết chán mỗi... Trương quân có tài hơn người như vậy, há chẳng phải khí thiêng non nước đúc nên, giáo trạch tiên triều để lại mà được vậy sao? Trẫm mừng được Trương quân mà lòng càng cảm kích.” (Đặc san Đồng Nai 1933. Huyền Mặc đạo nhân dịch từ nguyên bản chữ Hán).

Một đoạn khác, trích trong thư viết ngày 27.09.1886 của Trương Vĩnh Ký gửi vua Đồng Khánh. Trong thư, ngoài những lời xã giao không thể thiếu, ông liệt kê cho Đồng Khánh ba việc cần làm gấp:

1- Làm ra 5, 10 khoản ước cho rõ quan hệ “nước mình với nước Pháp bảo hộ”.

2- Xin tổ chức dân “đào cho đông, làm cho mau” kinh Mang Cá ở Huế.

3- Xin huy động dân cho nhiều, làm cho mau đường xá ở Quảng Nam “cho tiện đường ra vô chuyên chở trong mùa khô này” (*Trương Vĩnh Ký - Con người và sự thật*, tr. 82).

Rõ ràng ông đã tham mưu cho Đồng Khánh những điều ích quốc lợi dân.

Bốn là, tuy làm việc cho Pháp nhưng Trương Vĩnh Ký đã được những đại thần, đồng thời là những người có nhân cách cao như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ tin cậy, quý mến. Như trên đã nói, trong chuyến đi đàm phán với Pháp ở Pháp

năm 1863, Phan Thanh Giản đã xin bằng được Trương Vĩnh Ký đi làm thông ngôn. Qua các tài liệu lịch sử để lại, hai con người này dù rất xa nhau về địa vị và rất lệch nhau về tuổi tác (lúc đi sứ, cụ Phan đã 67 tuổi còn ông Trương mới 23) nhưng họ luôn đối xử với nhau như tri kỷ.

Nếu không có nhân cách và tài năng thực sự, Trương Vĩnh Ký làm sao lại được những người như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ tôn trọng?

Năm là, nên chú ý đến những nhận xét không mấy thiện cảm về ông của một số quan chức thực dân Pháp cao cấp. Tướng D'Ariès là một.

Ngày 21.05.1861, trong công văn gửi đô đốc Charner, D'Ariès viết: *“Trong số người Nam nói được ngôn ngữ của chúng ta, chỉ có một người có tên là Pétrus Ký biết khá rành rẽ, có thể giữ các chức vụ Ngài muốn thiết lập bên cạnh các thẩm quyền quân sự của ta”*.

Nhưng *“Tùng là nhân viên sở Sự vụ bản xứ Sài Gòn, ông ta đã bị sa thải vì thiếu mẫn cán và tận tụy. Rất thông minh, rất có khả năng làm tốt công việc, nhưng ông ta dần dà đánh mất sự tin tưởng đã tạo được”*.

Và D'Ariès tỏ thái độ: *“Tôi không muốn chỉ định ông ta để Ngài chọn làm thông dịch viên cho các hội đồng chiến tranh của chúng ta”*.

Bức thư thứ hai cũng gửi cho Charner ngày 28.05.1861, D'Ariès phê phán Trương Vĩnh Ký gay gắt: *“Tính kiêu căng và các yêu sách của ông ta hơn tất cả những gì chúng ta có thể tưởng tượng về ông ta. Ông ta đòi quyền làm công việc mà ông*

ta thích và rút lui khi nào không còn thích hợp.” (Theo báo *Thanh niên* 21.10.1998).

Trương Vĩnh Ký ắt thừa hiểu ông đang đưa ra điều kiện hợp tác với đối tượng đầy quyền uy. Ngay trong tình huống ấy, ông vẫn là con người tự trọng.

Cũng không thể bỏ qua được bài thơ “tuyệt mệnh” của ông:

*Quanh quanh quẩn quẩn lối đường quai
Xô đẩy người vô giữa cuộc đời
Học thức gửi tên con một sách
Công danh rút cuộc cái quan tài
Đạo hòn lữ kiến men chum bước
Bò sỏi côn trùng chấu lưỡi hoai
Cuốn sổ bình sanh công với tội
Tìm nơi thẩm phán để thừa khai.*

Tính số “công, tội” của cả cuộc đời, rồi “tìm nơi thẩm phán” - tự nguyện chứ không cần đợi ai đòi ai thúc, sẵn sàng đón nhận sự phán xét của lịch sử. Đó là thái độ bình tĩnh, đúng mực của người trí thức chân chính phải kinh qua những bước trắc trở, ngang trái trên đường đời.

Trong 12 năm cuối của cuộc đời, Trương Vĩnh Ký tự coi là ẩn sĩ, ông đặt tên cho ngôi nhà của mình là Trương ẩn sĩ lưu (nhà của ẩn sĩ họ Trương), nhưng thực ra không lúc nào ông ở ẩn, mà hướng tâm và lực vào mục đích khác. Ông hoàn thành 38 tác phẩm và tiếp tục sứ mệnh của người thầy, đào tạo hàng ngàn học trò, trong đó sau này có không ít người nổi tiếng như Nguyễn Trọng Quản, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trần Chánh Chiếu...

Ngày 01.09.1898, Trương Vĩnh Ký qua đời, thọ 61 tuổi. Ông chuẩn bị cho sự ra đi vào cõi vĩnh hằng của mình một cách chủ động, thanh thản: trước đó ít lâu, ông tự mình trông coi thợ xây sinh phần cho mình ở Chợ Quán (nay ở ngã tư Trần Hưng Đạo - Trần Bình Trọng).

Trương Vĩnh Ký ra đi trong cảnh vừa thanh bạch vừa rất giàu có. Gia tư điền sản không có gì đáng kể. Cả cuộc đời, sống trong sạch nhiều khi thiếu thốn, lấy đâu ra nhiều tiền lăm của! Thế nhưng di sản tinh thần của ông để lại thật đồ sộ và vô giá. Về mặt này, mức độ giàu có như ông thuộc loại “xưa nay hiếm”, hiếm ở trong nước và hiếm cả đối với quốc tế. Trương Vĩnh Ký ra đi trong sự đau buồn, thương tiếc và cảm mến của người thân, bè bạn, học trò. Hàng ngàn người đã đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng. Không ít người, tuy không phải là học trò trực tiếp nhưng cũng xin được để tang ông như trò để tang thầy. Vinh dự ấy đâu dễ có!

* * *

Nghĩ về cuộc đời Trương Vĩnh Ký trên bình diện văn hóa giáo dục, ta thấy ông là tấm gương lao động học tập và sáng tạo mẫu mực. Từ thuở lên năm đến lúc sắp qua đời, hầu như không lúc nào Trương Vĩnh Ký ngừng học tập. Có không ít giai thoại mang tính huyền thoại về tinh thần học tập của Trương Vĩnh Ký ở Phnom Penh và ở Penang. Chú thiếu niên này học các môn khoa học cơ bản, học triết học, thần học và đặc biệt là học ngoại ngữ. Chú học thầy, học bạn bè quốc tế như Miên, Lào, Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản và nhiều nước châu Âu. Tất nhiên Trương có sự thông minh thiên phú hiếm thấy, nhưng

chủ yếu và trước hết là do tinh thần chịu thương chịu khó, cần cù nhẫn nại. Vì vậy, chỉ riêng lĩnh vực ngôn ngữ, nhà trí thức này đã có được thành quả tuyệt vời: có thể đọc, nói, viết 15 ngôn ngữ phương Tây, 11 ngôn ngữ phương Đông, trong đó có nhiều ngôn ngữ ông đã đạt mức rất tinh thông.

Trương Vĩnh Ký không chỉ học qua sách vở mà còn rất coi trọng học trong cuộc sống. Một chuyến đi tám tháng sang Pháp, đối với ông là một khóa học vô giá. Hồi đó, làm xong phận sự sứ giả, Phan Thanh Giản đã cho sứ đoàn làm cuộc châu du. Nhờ đó Trương Vĩnh Ký biết sâu nội lực muôn vẻ của văn hóa Pháp, biết văn hóa Tây Ban Nha qua những ngày thăm viếng Madrid, Barcelona, Alicante; tiếp nhận văn hóa Ý trong những ngày thăm Gênes, Florence, Rome và qua buổi tiếp kiến Giáo hoàng. Ông đã ghi lại cảm xúc của mình: *“Qua những buổi học tập quý báu đó, tôi đã thu thập nhiều kinh nghiệm và nhiều kiến thức”*.

Cũng nên lưu ý đến một khía cạnh quan trọng: đi đâu, học gì Trương Vĩnh Ký đều như xác lập cho mình chỗ đứng, cách nhìn và nội dung cần học hỏi, phương pháp để ghi chép. Giờ đây đọc lại hơn 50 trang in cuốn *Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi* (1876), ta có thể rút ra nhiều nhận xét lý thú về những phương diện khác nhau của khoa học xã hội và nhân văn. Điều dễ thấy: Trương Vĩnh Ký ghi chép tỉ mỉ, cụ thể. Thoạt xem thấy có vẻ tản mạn, nhưng thực ra các chi tiết, dữ liệu được sắp xếp có hệ thống, giúp ta hiểu được con người và những mặt bản chất nhất của tình hình miền Bắc nước ta thời đó.

Tám gương lao động mẫn mực ấy còn thể hiện qua một phương diện khác: ông viết không ngưng nghỉ và quan tâm

đến nhiều lĩnh vực khoa học quan trọng. Sự nghiệp trước tác của Trương Vĩnh Ký bắt đầu từ năm 1863, lúc 26 tuổi và chỉ rời cây bút lúc qua đời. 35 năm cầm bút, viết lúc rảnh, viết khi bận; viết khi làm thầy, viết lúc làm công chức. Sự cần mẫn chăm chỉ và hàng loạt những thành quả khoa học sáng giá đã đem lại cho ông nhiều danh vị cao quý. Trương Vĩnh Ký được mời làm hội viên các Hội nhân chủng học và khoa học miền Tây nước Pháp, Hội chuyên khảo văn hóa Á châu, Hội chuyên học Địa lý ở Paris, Hội nhân văn và khoa học... Năm 1874, ông được phong Giáo sư ngôn ngữ Á Đông, và như trên đã nói, ông được xếp vào bảng 18 nhà bác học thế giới.

Nhưng quan trọng hơn những danh vọng cá nhân ấy, học giả đáng kính này đã để lại cho kho tàng văn hóa dân tộc và nhân loại 118 tác phẩm cả tiếng Việt lẫn tiếng Pháp. Nhiều cuốn đã in typo, thạch bản. Nhiều cuốn còn ở dạng chép tay, hiện lưu trữ tại nhiều nơi: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Paris, Rome, Vatican. Gần đây, có dịp đến kho sách khổng lồ của Trung tâm lưu trữ Pháp quốc hải ngoại ở thành phố Aix en Provence (cách Marseille hơn 20 km), tôi ngạc nhiên vì thấy ở đó còn giữ được một số bản thảo viết tay của Trương Vĩnh Ký.

Tác phẩm của ông có cái ngắn, có tập dày; có cuốn đơn giản phổ thông, dễ quảng bá, có công trình uyên bác, cao cấp. Ông viết đủ loại Ngôn ngữ, Lịch sử, Địa lý, Pháp luật, Dân tộc học, Kinh tế, Chính trị, Sinh học, Văn học... Trong giai đoạn bắt đầu duy tân, vai trò của những nhà bách khoa như thế rất quan trọng và những tác phẩm đa dạng như thế có tác dụng xã hội lớn lao. Nó giúp cho đồng bào ta vượt qua vòng kiềm tỏa u minh của lối sống phong bế, mở mang sự hiểu biết - hiểu biết thiên nhiên, hiểu biết con người.

Xin được ghi lại một nhận xét của học giả Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố: “*Khi lướt qua danh mục những tác phẩm của Pétrus Ký, những tác phẩm này khiến người ta phải ngạc nhiên và gần như khiếp đảm bởi số lượng và tính đa dạng của chúng.*” (*Bulletin de l'Enseignement mutuel du Tonkin* tập 17 - 01.06.1943).

Một lời bình luận thật xác đáng!

Để hiểu hết tầm quan trọng và ý nghĩa xã hội rất to lớn của những đóng góp ấy, ta cần phải lưu ý đến đặc điểm tình hình xã hội nước ta vào nửa cuối thế kỷ XIX. Sau mười thế kỷ chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng, văn hóa Trung Hoa cổ đại, giờ đây đặt cạnh nền văn hóa tư bản chủ nghĩa phương Tây, nền văn hóa phong kiến đã bộc lộ sự cổ lỗ, lạc hậu trên nhiều phương diện.

Muốn giành lại độc lập, ta phải đánh đuổi giặc nước. Muốn tạo điều kiện để giành độc lập và làm nền tảng cho công cuộc giữ độc lập, ta phải mở mang dân trí, phải hội nhập với thế giới, hòa vào dòng chảy của sự phát triển mạnh mẽ của văn hóa, khoa học, kỹ thuật.

Ở nước ta, công cuộc canh tân chỉ thực sự bắt đầu từ đầu thế kỷ XX với những nỗ lực rất đáng kính trọng của những nhà trí thức yêu nước nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Lương Văn Can... Và với sự xuất hiện ngày càng đông của tầng lớp trí thức tân học trẻ. Nhưng ngay từ những năm 60 của thế kỷ XIX trở đi, Trương Vĩnh Ký đã là người đi tiên phong trong việc chuẩn bị cho sự nghiệp duy tân đó. Học giả họ Trương đã chuẩn bị trên những lĩnh vực khác nhau.

Ông quan tâm đến việc bước đầu hoàn thiện và phổ biến

chữ quốc ngữ - một món hàng “ngoại nhập”. Chúng ta ngày càng cảm nhận sâu sắc đó là quà tặng vô giá “trời cho”, mà dân tộc ta đã nhận được một cách tình cờ. Cùng với các học trò xuất sắc của mình như Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Trọng Quản, Trần Chánh Chiếu,... Trương Vĩnh Ký với tư cách giáo sư, sau đó là hiệu trưởng trường Thông ngôn và trường Sư phạm Sài Gòn, đã đưa chữ quốc ngữ thoát khỏi bốn bức tường kín của tu viện và đặt nó giữa lòng cuộc sống, trước hết là trong trường học. Đến với trường học có nghĩa là đến với tuổi trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước.

Việc phổ biến chữ quốc ngữ được Trương Vĩnh Ký đẩy tới mạnh hơn thông qua các cơ quan ngôn luận. Có thể nói, việc nhận làm chủ bút tờ *Gia Định báo*, và sau đó chủ trương tờ học báo *Thông loại khóa trình* là một việc làm đầy ý thức của ông. Bởi vì, vốn tiếp thu nền học vấn Tây phương, ông hiểu quá rõ sức mạnh của báo chí.

Để canh tân, Trương Vĩnh Ký rất chú ý đến việc viết và xuất bản sách. Nhìn lại hệ thống sách của ông, ta thấy rất rõ mấy dụng tâm lớn. Một là, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc. Chính vì thế Trương Vĩnh Ký sưu tầm truyện dân gian, phiên ra quốc ngữ *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*, và thật là đặc biệt, cả *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế nghĩa sĩ Lục tỉnh*, *Trung nghĩa ca*, *Gia Định thất thủ vịnh*...

Hai là, ông xây dựng hệ thống từ điển phổ thông chuyên dụng như *Từ điển Pháp Việt*, *Từ điển địa lý An Nam*, *Từ điển danh nhân An Nam*.

Ba là, ông viết những cuốn sách có tính chất giáo khoa về lịch sử, địa lý, sinh học, ngôn ngữ... Có thể nói, ông là người

đầu tiên giới thiệu với thế giới, nhất là thế giới phương Tây, đất nước, con người và tinh hoa văn hóa Việt. Như thế, ông đã góp phần sáng lập bộ môn Việt Nam học.

Để canh tân, Trương Vĩnh Ký cũng đặc biệt chú ý tới việc dạy học. Như trên đã nói, ông đã góp phần đào tạo hàng ngàn trí thức tân học trẻ. Đây là vốn rất quý để đến đầu thế kỷ XX, họ sẽ là lực lượng đông đảo biến những động tác mang tính khởi động tạo đà của người thầy lớn thành những hoạt động duy tân, cải cách sâu rộng, mạnh mẽ. Tiếp theo Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Đình Chiểu, Võ Trường Toản... có thể nói Trương Vĩnh Ký là một trong những người thầy tiêu biểu của nền giáo dục Việt Nam.

Tính đến nay Trương Vĩnh Ký đã đi về với thế giới người hiền hơn một trăm năm. Cũng như Nguyễn Du, ông luôn mang một tâm trạng khắc khoải. Cuộc đời vốn rất công bằng, nhân dân bao giờ cũng sáng suốt. Hai trăm năm mươi năm đã qua đi, chúng ta vẫn trân trọng nghĩ đến Nguyễn Du với tư cách một thiên tài văn học. Với Trương Vĩnh Ký cũng vậy. Hơn một trăm năm qua, nhiều thế hệ đã lắng lòng lại trước “cuốn sổ bình sanh công với tội” của ông. Chúng ta kính trọng ông - một nhà bác học, một

Hiện nay, ở quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, có một con đường mang tên của nhà văn hóa lớn Trương Vĩnh Ký.

Từ thời Pháp thuộc cho đến năm 1975, tên Petrus Ký cũng được đặt cho một ngôi trường trung học lớn ở Đô thành Sài Gòn dành cho nam sinh (nay là trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong).

nhà giáo dục, một nhà văn hóa lớn vừa có nhân cách vừa có chân tài. Tại Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh), nơi ông sống gần trọn cuộc đời, giờ đây có đường phố và trường học mang tên ông. Bình Dương, Đồng Nai cũng có trường THPT Trương Vĩnh Ký.

Cách đây đã lâu, Giáo sư - Nhà giáo nhân dân Hoàng Như Mai, lúc đó nhận lời làm Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông tư thục Trương Vĩnh Ký, có cho tôi xem một bức thư tay của Giáo sư Trần Văn Giàu, viết ngày 23.09.2002. Dịp đó trường Trương Vĩnh Ký tổ chức khai giảng, Giáo sư Hiệu trưởng có mời Giáo sư Trần Văn Giàu - nguyên Chủ tịch ủy ban khởi nghĩa Nam Bộ hồi tháng Tám năm 1945 đến dự. Để thể hiện niềm vui khi nhận lời, thầy Giàu có viết cho thầy Mai một lá thư ngắn. Xin chép ra đây:

Anh Mai,

“Ăn cơm mới, nói chuyện cũ” là tính quen của những ai làm nghề giảng lịch sử. Hôm nay xin anh cho tôi nhắc lại một chuyện hồi nửa thế kỷ về trước mà liên quan đến việc anh và các bạn trường Trương Vĩnh Ký ở thành phố ta.

Hôm đó là ngày 24 tháng 8 năm 1945. Tại nhà số 6 đường Colombert, trời sẩm tối, chúng tôi có một hội nghị quan trọng để truyền lệnh giờ tổng khởi nghĩa, nhắc lại cách thức làm khởi nghĩa ở thành phố Sài Gòn. Cán bộ lãnh đạo đông đủ. Trong cuộc họp đó, tôi nhớ mình có căn dặn riêng anh Tư Carê (gọi là anh Tư Carê vì anh ấy cúp tóc kiểu carê) rằng: “Mai mốt các anh kéo đổ các tượng đồng thì các anh có thể gọi tượng Rigô đờ Gionuiy (ở đầu đường Pôn Blăngsi), tượng

Gãmbêta (ở vườn Ông Thượng), tượng Cha Cả - Hoàng tử Cảnh (ở đầu đường Catinat) xuống sông Thị Nghè, nhờ bà Thủy giữ gìn, còn pho tượng này (tôi chỉ ra tượng Trương Vĩnh Ký ở ngay trước cửa 6 Colombert, trong vườn của dinh Toàn quyền) thì các anh hãy đưa vào Gara Zancông Dênsinh.”

Tư Carê và mấy bạn trẻ hỏi liền:

- Sao không nhờ bà Thủy giữ mà gửi vào gara để làm gì?

Tôi đáp: “Để làm gì, sau sẽ biết, còn bây giờ thì các anh hãy tuân lệnh cái đã.”

Cuộc họp truyền lệnh ở 6 Colombert chấm dứt nhanh.

Cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền bắt đầu.

Anh Mai à, sau Cách mạng tôi không có dịp nào để hỏi thêm cho biết số phận của các tượng đồng ở Sài Gòn thời Pháp thuộc. Tôi nhớ tượng của Trương Vĩnh Ký không lấy gì làm đẹp nhưng đủ vẻ trang nghiêm với bộ khăn đóng áo dài.

Nay anh và các bạn lập trường trung học mang tên Trương Vĩnh Ký, tôi rất bằng lòng!

23/9/2002

Trần Văn Giàu (đã ký)

Một đánh giá công bằng, chính xác của một nhà Cách mạng lão thành đồng thời là một trong những sử gia hiện đại hàng đầu của chúng ta! Lịch sử chắc chắn sẽ tiếp tục ghi nhận công lao của Trương Vĩnh Ký với tư cách người đi tiên phong trong công cuộc chuẩn bị sự canh tân cho đất nước.

DƯƠNG QUẢNG HÀM



Ngày sinh: 14.07.1898

Ngày mất: 12.1946

Quê quán: Làng Phú Thị, xã Mễ Sở, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Giảng dạy:

- Trung học Bảo Hộ (nay là trung học Chu Văn An)
- Trung học Nam Định

Tác phẩm chính:

- *Quốc văn trích diễm* (1925)
- *Những bài lịch sử An Nam dùng cho học sinh các lớp nhì và lớp nhất các trường tiểu học Pháp - Việt* (1927)
- *Việt văn giáo khoa thư* (1940)
- *Việt Nam văn học sử yếu* (1941)

DƯƠNG QUẢNG HÀM

Người thầy liệt sĩ

Bà con quê tôi – tổng Mễ Sở (nay là xã Mễ Sở), phủ (nay là huyện) Khoái Châu tỉnh Hưng Yên, từ nhiều đời nay vốn tự hào về truyền thống nhiều mặt của quê hương.

Các cụ cho biết: vì dân chúng nơi đây có công xây dựng, bảo vệ kho lương thực luôn an toàn, cung cấp đầy đủ cho hàng chục vạn quân tướng nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, nên Hoàng đế Trần Thái Tông đã ngự phê, cho vùng đất này được mang tên Mễ Sở (nghĩa là kho gạo). Lương thực luôn đủ để phục vụ sự nghiệp quốc phòng, chứ còn bình thường dân ít khi no đủ, vì đê ngăn lũ sông Hồng thỉnh thoảng lại vỡ. Và mỗi lần gặp thiên tai như thế, nửa huyện phải xách bị đi xin ăn, vì thế mới có câu “Oai oái như phủ Khoái xin cơm”.

Nơi đây cũng là căn cứ kháng chiến chống Pháp – căn cứ hiểm trở Bãi Sậy, vì lau sậy mọc như rừng, cách Hà Nội chỉ 25 cây số - của nghĩa quân Nguyễn Thiện Thuật.

Không chỉ tự hào về truyền thống yêu nước, bà con còn rất vinh dự vì những người con ưu tú của hai họ Chu và Dương đã góp phần quan trọng làm nên truyền thống hiếu học, truyền

thống văn hiến của quê hương. Họ Chu đã nhiều đời có người đỗ đạt cao, tiêu biểu là tiến sĩ Chu Mạnh Trinh (1862-1905) đỗ khoa Nhâm Thìn (1892) làm quan đến Án sát Thái Nguyên – một nhà nho tài hoa, tác giả của những tập thơ nổi tiếng như *Thanh Tâm tài nhân thi tập*, *Trúc Vân thi tập*, đặc biệt là bài thơ *Nôm Hương Sơn phong cảnh* bất hủ.

Thế nhưng họ Dương được dân quê tôn kính trọng hơn vì nhiều người vừa đỗ đạt cao, vừa sẵn sàng hy sinh tất cả vì nền độc lập của dân tộc. Người được nhắc đến nhiều là giáo sư Dương Quảng Hàm (1898-1946). Nhân dân tưởng vọng cả cụ Dương Trọng Phổ (1862-1927) – thân sinh của Giáo sư; và ông cử nhân Dương Bá Trạch (1884-1944) – anh cả của Giáo sư, cả hai đều đã tích cực tham gia cả công sức, trí tuệ lẫn tiền của cho phong trào Đông Kinh nghĩa thực và đều bị chính quyền thực dân đày đi Côn Đảo năm 1909. Người cha bị tù 5 tháng, người con bị đày biệt xứ 15 năm.

Giáo sư Dương Quảng Hàm là con thứ năm trong gia đình, thuở nhỏ được học chữ nho một cách bài bản, sau đó được chuyển sang trường học mới. Tốt nghiệp Tú tài loại xuất sắc, người trí thức tân học trẻ tuổi này xác định hướng đi cho đời mình: không vào ngạch hành chính, dù có thể sẽ nhanh chóng là quan chức cao cấp cho Pháp và chính quyền phong kiến Nam triều. Dương Quảng Hàm thi vào trường Cao đẳng Sư phạm mới mở năm đầu tiên, với tâm niệm sẽ thủy chung với sự nghiệp “khai dân trí”, góp phần khắc phục tình trạng – nói như nhà chí sĩ Phan Châu Trinh – “dân ngu nước yếu”. Năm 1920, ông đỗ Thủ khoa và được bổ nhiệm làm giáo sư trường Trung học Bảo Hộ (bà con thường gọi là Trường Bưởi, nay là trường Chu Văn An). Ông dạy ở đó đến năm 1946. Trong 26 năm đứng lớp

cũng có một thời gian ngắn ông bị kỷ luật, đỗi đi Nam Định vì đã có thái độ ủng hộ cuộc bãi khóa để tang cụ Phan Châu Trinh (đầu tháng 04.1976) của học trò trong trường.

Với tư cách là giáo sư chính phụ trách môn Việt văn – một môn phụ, đặt ra cho có, tuần chỉ có 3 tiết, trong hệ thống nhà trường thực dân lúc đó – ông đã thuyết phục, cảm hóa học sinh của mình qua những giờ giảng hấp dẫn ngay từ những giờ lên lớp đầu tiên. Từ môn học bị coi là “thứ yếu”, giáo sư Dương Quảng Hàm đã khiến học sinh mê say, tự hào với di sản văn học của cha ông, khiến họ thấu hiểu rằng bên cạnh những kiệt tác và các nhà văn, nhà thơ danh tiếng của trời Âu, nước ta cũng có 10 thế kỷ sáng chói về văn học với kho tàng văn học truyền khẩu (tức văn học dân gian) và văn học viết của các triều đại Lý - Trần - Lê - Nguyễn với không ít những tài năng kiệt xuất, những tác phẩm bất hủ. Hai ông thầy của tôi – giáo sư Nguyễn Lâm (1906-2003) và Hoàng Như Mai (1919-2013) – học trò của Giáo sư Dương Quảng Hàm – trong những giờ lên lớp, nhiều lần nhắc đến người thầy cũ với sự kính trọng đặc biệt về tài năng và đức độ. Tôi nhớ cả hai vị có một ý giống nhau về thầy Dương Quảng Hàm: giờ giảng nào thầy cũng chuẩn bị kỹ lưỡng, trình bày say mê dù có buổi không khỏe, rất ôn tồn, từ tốn với học trò, không bao giờ cáu giận gắt mắng, dù có người thiếu chăm chỉ hoặc quậy phá. Một học trò khác của Giáo sư – ông Vũ Đình Hòe, vị Bộ trưởng Bộ Giáo dục đầu tiên của nhà nước cách mạng trẻ tuổi – cũng đã hết sức trân trọng mỗi khi nhắc lại kỷ niệm về thầy. Hiểu và kính trọng thầy cũ, một trong những việc đầu tiên của ông Bộ trưởng sau khi nhậm chức là đề nghị và được Chủ tịch Hồ Chí Minh chấp thuận, cử Giáo sư làm Giám đốc nha Học chính Bắc Bộ. Nhận